

Bản án số: **04/2026/HN&GD-ST**

Ngày: 14-01-2026

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Bình.

2/ Ông Nguyễn Văn Thiện.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2025/TLST-HN&GD ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2025/QĐXXST-HN&GD ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trương Thị H, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Số 05, Ngõ số 10, đường số 1, thôn Mỹ Đà, xã Hh, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Bị đơn:*** Ông Vũ Văn T, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số 318/6, đường số 32, thôn Đa Kai 6, xã Nam THnh, tỉnh Lâm Đồng. (hiện đang chấp Hnh án tại Phân trại 2, Trại giam Gia Trung).

Tại phiên tòa, **vắng** mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn thì bà H và ông T chung sống không có hạnh phúc; anh T không lo cho gia đình, chơi bời, tệ nạn và đã bị kết án phạt tù. Bản thân bà H phải một mình nuôi con nhỏ. Nay bà H xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho tời ly hôn ông Vũ Văn T.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Bà H không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2010, ông T và bà H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, không yêu thương, quý trọng nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vì vậy ông T đồng ý thuận tình ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trương Thị H ly hôn ông Vũ Văn T.
2. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn về việc không yêu cầu giải quyết tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ.
3. Buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Trương Thị H khởi kiện ly hôn với bị đơn Vũ Văn T; bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại thôn Đa Kai 6, xã Nam THnh, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án **ly hôn** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai (nay là xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, bà H và ông T sống chung với nhau như vợ chồng được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của bà H là do ông T không lo cho gia đình, chơi bời, tệ nạn và đã bị kết án phạt tù; về phía ông T cũng xác định vợ chồng không có hạnh phúc, không yêu thương, quý trọng nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đồng ý ly hôn bà H

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T.

[3.2] Về con chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm **a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi Hình án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị H ly hôn ông Vũ Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61, đăng ký ngày 12/7/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai (nay là xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai) giữa bà Trương Thị H với ông Vũ Văn T hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

3. Về án phí: Bà Trương Thị H phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi Hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo biên lai thu số 0009109 ngày 24/11/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 17;
- Phòng THADS khu vực 17;
- UBND xã Nam THnh, tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận